

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2024/DS- ST**
Ngày 30 tháng 9 năm 2024
V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thu Hà**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Thúy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Cúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2024/TLST – DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-HPT ngày 14 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: ông **Nguyễn Văn T**, Sinh năm 1970 và bà **Hoàng Thị L**, Sinh ngày 15/10/1970; cùng thường trú: thôn 2, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Thu H, Luật sư của Văn phòng Luật sư Mặt Trời Mới, địa chỉ: số 10 ngõ 35/37 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: **Hoàng Văn S**, Sinh năm 1972 và bà **Nguyễn Thị T**, Sinh năm 1974; cùng thường trú: thôn 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Hằng có mặt; Bị đơn vắng mặt L tiếp lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Toà án ngày 15 tháng 9 năm 2022 của nguyên đơn, cũng như bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Thu Hằng trình bày:

Ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị T có vay ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L số tiền 200.000.000 đồng. Cụ thể:

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2011, ông S, bà T vay của ông T, bà L số tiền: 150.000.000 đồng;

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2011 dương lịch (tức ngày 13/6/2011 âm lịch), ông S, bà T vay thêm của ông T, bà L số tiền: 50.000.000 đồng.

Đến hạn trả nợ, mặc dù ông T, bà L đã nhiều lần L hệ, gặp mặt yêu cầu ông S, bà T hoàn trả số tiền vay 200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền nhưng ông S và bà T vẫn không thực hiện việc hoàn trả số tiền trên cho ông T, bà L.

Như vậy, tại thời điểm hiện nay, ông S và bà T đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với ông T và bà L theo Giấy vay tiền đã ký với ông T bà L.

Nay ông T, bà L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội giải quyết: Buộc ông S, bà T phải hoàn trả cho ông T, bà L số tiền: 200.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

* Quá trình giải quyết vụ án: bị đơn là ông Hoàng Văn S và vợ là bà Nguyễn Thị T đều được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và không thể hiện quan điểm giải quyết vụ án.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Do các đương sự không đến Tòa án giải quyết, nên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không hòa giải được cho các đương sự.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 14 tháng 9 năm 2024 bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ 1. Phiên tòa được mở lại vào ngày ngày 30 tháng 9 năm 2024 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông S, bà T phải hoàn trả cho ông T, bà L số tiền: 200.000.000 đồng.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán số tiền vay theo Giấy vay tiền mà nguyên đơn, bị đơn đã ký vào các ngày 20 tháng 4 năm 2011 và (ngày 13 tháng 7 năm 2011 âm lịch) nên xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Do bị đơn không trả nợ theo thỏa thuận mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đến gặp gỡ để yêu cầu ông S, bà T trả tiền nhưng ông S, bà T không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Trong vụ án này: giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên được áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Về thời hiệu: Căn cứ Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng như sau: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 02 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Trong vụ án này, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số nợ gốc là 200.000.000 đồng và đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nội dung: Căn cứ Giấy vay tiền được nguyên đơn, bị đơn ký vào các ngày 20/04/2011 và (ngày 13/6/2011 âm lịch). Theo đó ông S, bà T đã vay của ông T, bà L số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đến bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa làm việc, không thể hiện quan điểm giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, xác định việc ông T, bà L cho ông S, bà T vay số tiền 200.000.000 đồng là có thật. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc các bên tự nguyện giao kết thực hiện cho vay tài sản và cam

kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thoả thuận. Tại thời điểm ký hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thoả thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định đây là giao dịch hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét thấy việc thoả thuận cho vay của các bên được ghi nhận trong Giấy vay tiền ghi ngày 20/4/2011 và ngày 13/6/2011 (âm lịch); giữa nguyên đơn, bị đơn chỉ thoả thuận nội dung cho vay tiền, không thoả thuận về lãi suất và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 471; Điều 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L.

- Buộc ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị T phải chịu **10.000.000 (mười triệu)** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0019965 ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2024. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long